

Phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh theo hướng bền vững

Nguyễn Đình Bình*, Nguyễn Thị Đông



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Bài viết phân tích tình hình phát triển kinh tế biển thành phố HCM giai đoạn 2017 – 2024. Kết quả nghiên cứu cho thấy, giai đoạn 2017 – 2024, kinh tế biển thành phố HCM đã đạt được những kết quả khích lệ cả về sự phát triển đa dạng các ngành nghề, tính bền vững, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong giai đoạn 2017 – 2024, xuất nhập khẩu qua cảng thành phố Hồ Chí Minh đóng góp 1068,1 tỷ USD, trung bình mỗi năm đóng góp 133,5 tỷ USD; ngành du lịch biển đóng góp 104.961 tỷ đồng, trung bình mỗi năm đóng góp 13.120,1 tỷ đồng; giá trị sản xuất ngành công nghiệp ven biển trên địa bàn đóng góp 4,85 triệu tỷ đồng, trung bình mỗi năm tạo ra 603310,6 tỷ đồng. Năm 2024, ngành vận tải biển đóng góp 35.909,7 tỷ đồng, chiếm 1,32% tổng GRDP; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua cảng đạt 151,2 tỷ USD bằng 1,39 lần so với GRDP; giá trị sản xuất ngành công nghiệp ven biển đóng góp 733.173 tỷ đồng, chiếm 26,99% GRDP. Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế biển thành phố HCM còn tồn tại những hạn chế như thiếu quy hoạch cho không gian phát triển kinh tế biển mới; sự phát triển chưa vững chắc giữa các ngành; hạ tầng giao thông kết nối vùng trung tâm với khu vực ven biển, cảng biển còn hạn chế; ngành du lịch biển thiếu các sản phẩm mang tính đặc thù; ngành công nghiệp ven biển chưa được đầu tư phát triển đúng mức. Từ kết quả phân tích, bài viết đã đề xuất 6 giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu phát triển thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm kinh tế biển năng động, hiệu quả hàng đầu khu vực.

Từ khóa: Kinh tế biển, phát triển bền vững kinh tế biển, phát triển kinh tế biển thành phố HCM, thành phố HCM

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Đình Bình, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: ndbinh@uel.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 13-06-2025
- Ngày sửa đổi: 27-09-2025
- Ngày chấp nhận: 31-07-2026
- Ngày đăng: 08-09-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmj-ebl.v10i3.1661>



Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

GIỚI THIỆU

Kinh tế biển ngày càng khẳng định vị trí, vai trò trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy nghiên cứu kinh tế biển chiếm một vị trí quan trọng trong giới học thuật trong và ngoài nước. Nghiên cứu của Xu-Zhao Jiang và cộng sự đã chỉ ra kinh tế ven biển đã trở thành một cực tăng trưởng, là cơ sở, động lực của phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua sự phát triển kinh tế biển để kết nối với thế giới nhằm thu hút đầu tư FDI, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo đà cho sự phát triển của các vùng lân cận^{1,2}. Một nghiên cứu của Shuhong Wang và cộng sự cho rằng trọng tâm của nghiên cứu về kinh tế biển là ngành công nghiệp biển, với kinh tế tuần hoàn biển là chủ đề nghiên cứu mới nhất². Tài nguyên biển là nền tảng của kinh tế biển tuy nhiên hiệu quả sử dụng chưa cao, vì thế để sử dụng tài nguyên biển hiệu quả hơn, cần áp dụng hệ thống quyền sở hữu tài nguyên thiên nhiên vào các lĩnh vực biển. Nghiên cứu của Ngô Phương Lan đã chỉ ra rằng các hình thức sinh kế của người dân vùng ven biển Cần Giờ chịu ảnh hưởng từ các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội, trong đó các chủ trương, chính sách, thị trường là những yếu tố chi phối các hình thức sinh

kế của cư dân thông qua việc phát triển ngành nuôi trồng (tôm, nghêu, hàu), đầu tư đánh bắt hải sản, làm muối, giữ nghề rừng và phát triển dịch vụ du lịch sinh thái³.

Phát triển kinh tế biển càng sâu rộng, thì việc tăng cường hiệu quả kinh tế biển và duy trì sự phát triển lành mạnh, bền vững của các hệ sinh thái càng phải được quan tâm hơn⁴. Nghiên cứu của nhóm tác giả ở Trung Quốc đã phân tích mối quan hệ giữa ô nhiễm môi trường và tăng trưởng kinh tế biển ở Trung Quốc từ năm 2002 đến năm 2013 và chỉ ra rằng tăng trưởng kinh tế biển ở Trung Quốc chưa cải thiện môi trường biển một cách hiệu quả⁵. Vì vậy, để các doanh nghiệp chuyển dịch xu hướng sản xuất xanh và phát triển bền vững thì sự hoàn thiện về mặt pháp lý và các chính sách của chính phủ có vai trò rất quan trọng. Khẳng định những thành tựu đáng kể của kinh tế biển Trung Quốc, nghiên cứu cho rằng, xét một cách tổng thể thì mô hình phát triển kinh tế biển của Trung Quốc vẫn là mô hình phát triển theo chiều rộng, dựa chủ yếu vào các nguồn lực tự nhiên có sẵn nên hiệu quả kinh tế chưa cao, trong khi đang phải đối mặt với nhiều thách thức do những vấn đề nghiêm trọng như lãng

Trích dẫn bài báo này: Bình N D, Đông N T. **Phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh theo hướng bền vững.** VNUHCM J. Econ. Bus. Law. 2026; 10(3): 7024-7034.

phí tài nguyên biển, ô nhiễm môi trường biển và phát triển không đều trong khu vực⁶. Đồng nhất quan điểm này, một nghiên cứu khác đã khẳng định kinh tế biển Trung Quốc đã trở thành bộ phận quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, đằng sau sự phát triển tốc độ cao của kinh tế biển là mâu thuẫn giữa tính kém hiệu quả của cơ cấu công nghiệp biển và nhu cầu về tài nguyên biển ngày càng trở nên nổi bật⁷. Các vấn đề như đánh bắt quá mức, ô nhiễm leo thang và suy thoái môi trường ngày càng trầm trọng đang liên tục thách thức các hệ sinh thái biển, phá vỡ sự cân bằng tự nhiên của chúng. Nghiên cứu của Xu, Wei và cộng sự khẳng định rằng, nhận thức về môi trường biển có tác động rất lớn không chỉ đến môi trường biển mà còn đến sự phát triển kinh tế của vùng ven biển⁸. Kết quả nghiên cứu đã chứng minh các yếu tố như trải nghiệm môi trường biển, tâm lý môi trường biển, ý chí bảo vệ môi trường biển và nhận thức về môi trường biển đều có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế vùng ven biển. Một nghiên cứu ở Trung Quốc đã chỉ rõ, sự phát triển bền vững của biển đang phải đối mặt với mâu thuẫn nổi bật giữa an ninh sinh thái và phát triển kinh tế, cũng như sự phát triển khu vực không cân bằng và không có sự phối hợp⁹.

Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế biển cũng là một chủ đề nổi bật trong các nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước. Một nghiên cứu khác của Xie, Bojie cho rằng, tăng trưởng kinh tế biển không chỉ phụ thuộc vào lao động, công nghệ đầu vào mà còn phụ thuộc vào sự đóng góp của chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp¹⁰. Trong khi đó, một nghiên cứu ở 11 tỉnh và thành phố ven biển ở Trung Quốc từ năm 2000 đến năm 2016, đã khẳng định các yếu tố dẫn đến tình trạng kém hiệu quả của kinh tế biển gồm tình trạng tắc nghẽn tài nguyên và tình trạng kém hiệu quả kỹ thuật thuần túy dài hạn¹¹. Nghiên cứu của Wu, Fan đã tập trung phân tích mối quan hệ giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu khai thác với phát triển kinh tế biển chất lượng cao. Kết quả cho thấy về lâu dài, nghiên cứu ứng dụng biển tác động mạnh mẽ hơn đến sự phát triển kinh tế biển chất lượng cao so với nghiên cứu khai thác biển. Tuy nhiên, hiệu quả ngắn hạn của nghiên cứu ứng dụng biển thấp hơn so với nghiên cứu khai thác. Trong khi đó, nghiên cứu cơ bản về biển chưa cho thấy sự tác động đến phát triển kinh tế biển chất lượng cao cả trong ngắn hạn và dài hạn¹². Nghiên cứu của Masud đã chỉ ra rằng các yếu tố phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và sinh thái có tác động đáng kể đến “việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên biển”¹³. Một nghiên cứu ở Trung Quốc đã sử dụng mô hình sửa lỗi vectơ (VECM) để khám phá mối quan hệ ngắn hạn và dài hạn giữa tăng trưởng kinh tế biển,

đổi mới công nghệ và nâng cấp công nghiệp ở Trung Quốc từ năm 2006 đến năm 2016. Kết quả cho thấy về lâu dài, tăng trưởng kinh tế biển tác động tích cực đến đổi mới công nghệ biển và ngược lại, tuy nhiên tăng trưởng kinh tế biển lại không thúc đẩy nâng cấp công nghiệp. Sự chuyển đổi từ ngành thứ cấp sang ngành thứ ba không có lợi cho việc cải thiện đổi mới công nghệ các ngành kinh tế biển của Trung Quốc¹⁴. Một nghiên cứu khác ở Trung Quốc cho thấy tỷ trọng các ngành công nghiệp mới nổi liên quan đến biển, cơ cấu của ngành hàng hải và số lượng dự án khoa học và công nghệ biển là những yếu tố chính ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng kinh tế biển của Trung Quốc¹⁵. Trong khi đó, nghiên cứu của Chi-Wei Su đã chỉ ra phát triển tài chính có tác động đáng kể đến tăng trưởng kinh tế biển ở vòng tròn kinh tế biển Trung Quốc¹⁶. Bằng phương pháp phân tích tương quan và hồi quy, phân tích dữ liệu bảng (mô hình hiệu ứng cố định) và mô hình phi tuyến tính, nghiên cứu đã chỉ ra đầu tư vào cơ sở hạ tầng cảng có tác động lớn đến sự biến động của các chỉ số kinh tế ở vùng ven biển, sự phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện môi trường¹⁷. Bằng cách sử dụng mô hình bảng động, Chenggang Li đã chỉ ra rằng thời tiết biển khắc nghiệt và đổi mới khoa học, công nghệ biển có tác động lớn nhất đến các khu vực có trình độ phát triển kinh tế biển cao, nhưng lại ít có tác động đến các khu vực có trình độ phát triển kinh tế biển thấp¹⁸.

Dù đạt được những kết quả tích cực cả về sự phát triển đa dạng các ngành nghề, tính bền vững, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế đầu tàu kinh tế cả nước. Đặc biệt trong bối cảnh hình thành không gian phát triển mới, đòi hỏi phải có những đánh giá toàn diện về tình hình phát triển làm cơ sở xây dựng chiến lược, đề xuất giải pháp phù hợp. Trên tinh thần đó, nghiên cứu này chỉ ra được những kết quả đạt được và những hạn chế trong quá trình phát triển kinh tế biển của địa phương, làm cơ sở để xuất các hàm ý chính sách nhằm phát triển kinh tế biển của thành phố Hồ Chí Minh theo hướng bền vững trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển mới.

Ngoài phần giới thiệu, các phần tiếp theo của bài báo bao gồm: (1) Cơ sở lý thuyết; (2) Phương pháp nghiên cứu; (3) Kết quả nghiên cứu; (4) Kết luận và hàm ý chính sách.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Khái niệm kinh tế biển

Từ rất sớm nghiên cứu N. Associates đã chỉ ra rằng, nền kinh tế dựa vào nguồn lực của biển (có thể sử

dụng trực tiếp nguồn lực từ biển hoặc sử dụng các nguồn lực liên quan đến biển) để phát triển¹⁹. Trong một nghiên cứu khác về biển ECORYS đã chỉ ra rằng, kinh tế biển là hoạt động kinh tế có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến biển (bao gồm vùng biển ngoài khơi và vùng ven biển)²⁰. Để cập một cách khái quát hơn, nghiên cứu của Zhai Ren-Xiang về kinh tế biển ở Giang Tô đã chỉ ra, kinh tế biển là tổng thể các hoạt động đa dạng, phong phú liên quan đến nhiều ngành nghề, lĩnh vực có sử dụng các nguồn lực từ biển hoặc sản xuất các sản phẩm phục vụ cho sự phát triển các ngành liên quan đến biển²¹. Với cách hiểu kinh tế biển là “tổng số các hoạt động kinh tế của các ngành công nghiệp dựa trên đại dương và các hàng hóa, dịch vụ của hệ sinh thái biển”, OECD đã chia kinh tế biển thành hai hợp phần chính (1) các ngành kinh tế biển; và (2) hệ sinh thái biển. Ở Việt Nam, khi bàn đến nội hàm kinh tế biển vẫn chưa có sự thống nhất. Theo quan điểm của Bộ TN&MT, kinh tế biển được chia thành 2 nhóm ngành: (1) Ngành kinh tế thuần biển: là những ngành gắn liền và phụ thuộc trực tiếp vào biển và các tài nguyên từ biển. (2) Ngành kinh tế liên quan đến biển, là những ngành có sự kết nối hoặc hỗ trợ các hoạt động kinh tế thuần biển nhưng không trực tiếp phụ thuộc vào biển²².

Kế thừa các quan điểm phân tích về kinh tế biển ở trong và ngoài nước, tác giả xác định kinh tế biển là tổng thể các hoạt động kinh tế liên quan đến các ngành nghề sử dụng trực tiếp nguồn lực của biển hoặc liên quan đến biển và các ngành cung ứng hàng hóa, dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế biển.

Phát triển kinh tế biển

Phát triển kinh tế biển là một bộ phận của phát triển kinh tế, mang đầy đủ nội hàm và đặc trưng của phát triển kinh tế. Vì vậy khi đề cập đến phát triển kinh tế biển cũng phải xem xét sự thay đổi của kinh tế biển theo hướng tiến bộ trên tất cả các mặt²³. Đo lường phát triển kinh tế biển cũng phải dựa vào các tiêu chí chung của sự phát triển trên các phương diện như: sự tăng trưởng kinh tế ở mức cao và ổn định; tỷ trọng các ngành liên quan đến đổi mới sáng tạo phải có xu hướng tăng, mô hình tăng trưởng kinh tế phát triển theo chiều sâu, nội lực nền kinh tế được cải thiện và quan trọng là chất lượng cuộc sống của người dân không ngừng tăng lên. Trên cách tiếp cận đó, tác giả Lai Lâm Anh cho rằng “phát triển kinh tế biển là việc mở rộng cả về mặt quy mô, chất lượng và gia tăng mức độ khai thác các nguồn lợi trực tiếp cũng như gián tiếp từ biển, tăng tỷ trọng phát triển của các ngành kinh tế biển,... kèm với nó là phải thay đổi phương thức phát triển để hướng tới một nền kinh tế biển hiện đại”²⁴.

Có cùng cách tiếp cận, nghiên cứu của Bình cho rằng, “phát triển kinh tế biển là sự thay đổi phương thức hoạt động, cơ cấu của nền kinh tế trong quá trình khai thác các nguồn lợi từ biển (trực tiếp và gián tiếp), trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào khác thác các tiềm năng của đại dương, biển và ven biển, nhằm nâng cao tỷ trọng của các ngành kinh tế biển trong nền kinh tế và góp phần giải quyết việc làm cho xã hội”²⁵.

Phát triển bền vững kinh tế biển

Tính bền vững trong phát triển kinh tế biển là cơ sở để bảo vệ sức khỏe của đại dương và đảm bảo sự thịnh vượng trong tương lai của thế giới. Vì thế một số quốc gia có biển như Hoa Kỳ (US), Vương quốc Anh (UK), Nga và Nhật Bản đã xây dựng và điều chỉnh thành công các chiến lược biển của mình để tập trung hơn vào việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên biển và cải thiện môi trường biển²⁵. Trên cơ sở mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc và chiến lược sức mạnh đại dương của Trung Quốc, Xiaowei Ni đã phân tích tình hình phát triển kinh tế bền vững ở ba tỉnh ven biển Đồng bằng sông Dương Tử theo bốn chiều: tốc độ tăng trưởng kinh tế biển, tài nguyên biển, môi trường sinh thái biển và đổi mới khoa học công nghệ biển²⁶. Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trước, bài viết phân tích phát triển kinh tế biển trên các trụ cột cơ bản sau:

Thứ nhất, bền vững về kinh tế. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế biển là yêu cầu tất yếu của phát triển vùng và là động lực tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Sự phát triển kinh tế vùng ven biển tác động đến tiềm năng phát triển bền vững của vùng, góp phần hình thành cơ cấu công nghiệp hợp lý, đa dạng và duy trì sức sống lâu dài²⁷. Do đó, để đánh giá trình độ phát triển kinh tế biển, không chỉ xem xét quy mô, tốc độ phát triển kinh tế biển mà còn phải xem xét cả chất lượng phát triển kinh tế biển²⁸. Cơ cấu của ngành công nghiệp biển phản ánh phần lớn các đặc điểm tăng trưởng của kinh tế biển về mặt chất lượng, vì vậy Xiaowei Ni đã sử dụng tỷ lệ công nghiệp bậc ba để quan sát tính hợp lý của cơ cấu công nghiệp trên bốn chỉ tiêu gồm: (1) Tỷ lệ GDP hàng hải so với GDP khu vực; (2) Giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp hàng hải chính; (3) Giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp liên quan đến hàng hải; (4) Tỷ lệ công nghiệp hàng hải cấp ba²⁶.

Thứ hai, bền vững về môi trường và bảo vệ tài nguyên biển. Tài nguyên biển là yếu tố đầu vào quan trọng của hệ thống ngành công nghiệp biển, nó có giá trị sinh học, giá trị môi trường sống, giá trị cung cấp dịch vụ và giá trị duy trì đa dạng loài²⁹. Khẳng định hiệu quả

xử lý các chất ô nhiễm từ nguồn trên cạn có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của đại dương. Trong nghiên cứu của mình, Xiaowei Ni cho rằng, tỷ lệ đầu tư kiểm soát ô nhiễm trong GDP của khu vực được sử dụng để đo lường tầm quan trọng và phản ứng hiệu quả của từng khu vực đối với bảo vệ môi trường trên ba chỉ tiêu: (1) Lượng nước thải công nghiệp; (2) Lượng chất thải rắn công nghiệp; (3) Đầu tư vào kiểm soát ô nhiễm theo tỷ lệ GDP²⁶.

Thứ ba, bền vững trên nền tảng đổi mới khoa học công nghệ biển. Đổi mới khoa học công nghệ biển là động lực thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của các ngành công nghiệp biển liên quan, thúc đẩy kinh tế biển tăng trưởng nhanh³⁰. Do đó, nghiên cứu của Xiaowei Ni đã chọn 4 chỉ tiêu: (1) Số lượng các viện nghiên cứu khoa học về biển; (2) Số lượng các nhà nghiên cứu khoa học về biển; (3) Số lượng các bài báo khoa học tại các viện nghiên cứu về biển; (4) Số lượng bằng sáng chế do các viện nghiên cứu về biển sở hữu để làm cơ sở đo lường tính bền vững của phát triển kinh tế biển²⁶.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ DỮ LIỆU

Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính để phân tích hiện trạng phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 - 2024. Cụ thể, các phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng để khảo lược các nghiên cứu trước, làm cơ sở để xây dựng khung lý thuyết về phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững. Phương pháp thống kê và phân tích được bài viết sử dụng để đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh qua việc phân tích, so sánh đối chiếu các dữ liệu của các ngành thủy sản, kinh tế hàng hải, du lịch biển và công nghiệp ven biển. Kết quả nghiên cứu từ các phương pháp này đã góp phần xây dựng một bức tranh kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh trong tiến trình hội nhập, là căn cứ quan trọng để xác định những mặt đạt được cần phát huy, những mặt hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới. Đây cũng là cơ sở để đề xuất các giải pháp cụ thể, thiết thực, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh theo hướng bền vững, trở thành cầu nối gắn kết các ngành nghề, các địa phương, các nước trong khu vực và thế giới cho mục tiêu phát triển.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

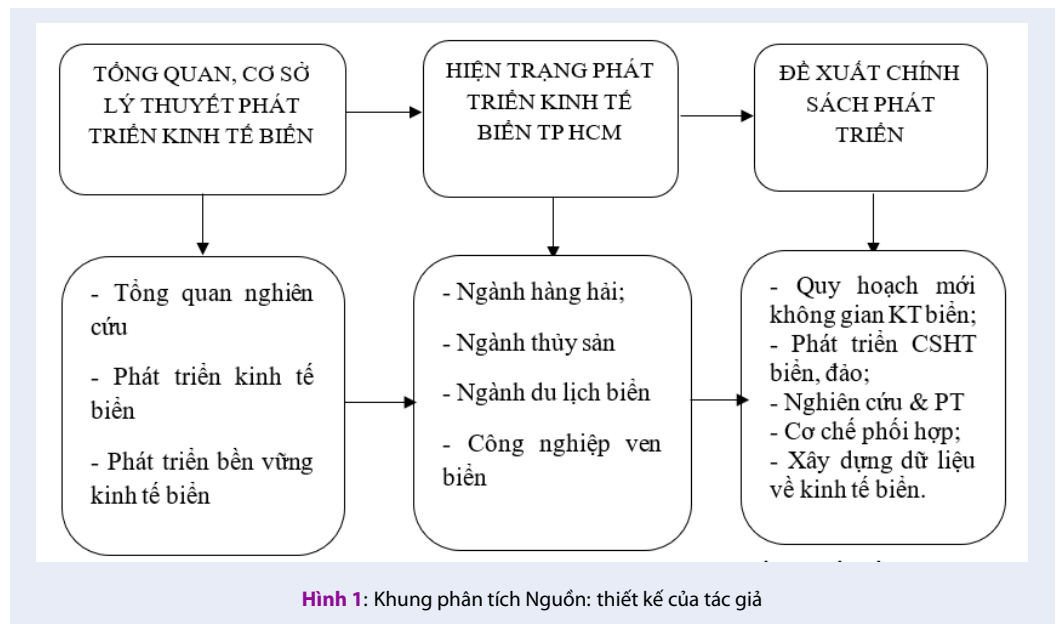
Tiềm năng phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh sau sáp nhập có dài bờ biển dài 326 km, từ Vũng Tàu đến Xuyên Mộc, khu vực

quần đảo Côn Sơn và khu vực Cần Giò, cùng với thêm lục địa trên 174.000 km². Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (của Quốc hội), đánh giá là địa phương ven biển tiêu biểu trong số 28 tỉnh, thành phố ven biển của Việt Nam nhờ sự đa dạng về tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển.

Thứ nhất, tiềm năng phát triển kinh tế hàng hải. Vùng biển thành phố Hồ Chí Minh có vị trí địa lý tiếp giáp với Biển Đông, nằm ngay cửa sông Thị Vải và Cái Mép, gần các tuyến hàng hải quan trọng, hội đủ điều kiện để phát triển cảng biển cửa ngõ quốc gia và trung chuyển quốc tế. Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có 74 bến cảng đang hoạt động, trong đó có 57 cảng lớn với, 09 cảng container với công suất trên 210,7 triệu tấn/năm. Với vùng nước sâu, nằm ở trung tâm kết nối với Đông Nam bộ, Đông bằng sông Cửu Long và nền kinh tế thế giới, vùng biển thành phố Hồ Chí Minh là động lực quan trọng để phát triển kinh tế hàng hải và thương mại quốc tế. Vịnh Cần Giò cũng là địa điểm lý tưởng để phát triển cảng trung chuyển quốc tế tại Cần Giò, tạo cơ sở kết nối thuận lợi với 7 trung tâm logistics của khu vực TP.HCM bằng đường thủy và đường bộ, thúc đẩy phát triển hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam ra thế giới, từng bước hình thành khu phi thuế quan tại huyện Cần Giò, tạo cơ sở để xử lý, luân chuyển hàng hóa, góp phần hình thành chuỗi giá trị của các ngành kinh tế hàng hải.

Thứ hai, tiềm năng phát triển du lịch biển. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có tiềm năng rất lớn để phát triển ngành du lịch biển. Với 326 km bờ biển, trong đó có 156 km có thể dùng làm bãi tắm. Bên cạnh đó, thành phố Hồ Chí Minh còn có hệ thống Núi Dinh, núi Minh Đạm; có rừng nguyên sinh Bình Châu – Phước Bửu với hệ động – thực vật phong phú và nguồn suối khoáng nóng tự nhiên; khu vực Côn Đảo với 16 đảo nhỏ hội tụ đầy đủ tiềm năng thiên nhiên và yếu tố để phát triển du lịch, nhất là du lịch chất lượng cao. Rừng ngập mặn Cần Giò được công nhận là khu dự trữ sinh quyển của thế giới và là một trong 65 khu du lịch sinh thái phát triển bền vững trên thế giới, được bao phủ bởi 75.740 ha, trong đó hơn 40.000 ha rừng ngập mặn³¹. Khu dự trữ sinh quyển Cần Giò là nơi gắn bó với lịch sử và văn hóa của TP.HCM, với nhiều di tích và danh lam thắng cảnh như Làng Rạch Lá, Làng Tân Thạnh, Làng Bình Khánh, Làng An Thới Đông, Làng Long Hòa, Làng Rừng Sác hay Bảo tàng Rừng Sác, Di chỉ khảo cổ học Giồng Cá Vồ, Lễ hội Nghinh Ông - di sản phi vật thể quốc gia tạo nên các điểm đến hấp dẫn cho du khách, là điều kiện hết sức thuận lợi để phát triển du lịch biển, đảo, kết hợp du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, tạo tiền đề thúc đẩy kinh tế phát triển.



Thứ ba, tiềm năng phát triển ngành thủy sản và công nghiệp chế biến. Với bờ biển dài 326 km, ngư trường đánh bắt rộng trên 174.000 km², diện tích nuôi trồng thủy sản đạt trên 13.434 ha với nhiều đầm phá, sông ngòi là điều kiện thiết yếu để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản. Trong bối cảnh mới, việc ứng dụng công nghệ cao vào nuôi trồng và đánh bắt thủy sản sẽ hứa hẹn một bức tranh mới của ngành thủy sản thành phố Hồ Chí Minh, góp phần quan trọng vào phát triển các ngành công nghiệp chế biến.

Thứ tư, tiềm năng phát triển ngành công nghiệp ven biển. Thành phố Hồ Chí Minh là tỉnh có trữ lượng dầu lớn nhất cả nước, với hơn 400 triệu m³, chiếm 93,29% của cả nước, trữ lượng khí chiếm 16,2% của cả nước, trở thành địa phương đứng đầu cả nước về khai thác dầu khí. Sự phát triển ngành dầu khí đã tạo ra những tiềm năng to lớn để phát triển các ngành công nghiệp hóa dầu, công nghiệp sau hóa dầu, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Những kết quả đạt được trong quá trình phát triển kinh tế biển thành phố HCM

Trên cơ sở những tiềm năng, thế mạnh vốn có của vùng biển thành phố Hồ Chí Minh, Thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến 2045, Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã xác định: “Phát triển các ngành kinh tế biển, huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển

bền vững biển; khuyến khích, tạo điều kiện xây dựng các doanh nghiệp kinh tế biển có thương hiệu, hoạt động hiệu quả”³². Trên cơ sở tiềm năng của biển và định hướng phát triển của Thành phố, kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh đã được những kết quả đáng khích lệ.

Thứ nhất, kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh đã phát triển đa dạng các ngành.

Ngành nuôi trồng và khai thác thủy sản

Với 13.434 ha diện tích nuôi trồng và vùng biển rộng trên 174.000 km², ngành thủy sản TP HCM đã đóng đáng kể vào tổng giá trị của nền kinh tế. Sản lượng ngành thủy sản tăng dần qua các năm, từ 395.022 tấn năm 2017, lên 460.051 tấn năm 2024, đóng góp 35.083 tỷ đồng, chiếm 1,6% tổng GRDP của nền kinh tế (bảng 1).

Ngành hàng hải

Trong chiến lược phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh, kinh tế hàng hải đóng vai trò quan trọng, là đầu mối giao thương góp phần phát triển chuỗi giá trị toàn cầu. Động lực quan trọng để phát triển kinh tế hàng hải thành phố Hồ Chí Minh là sự phát triển của 57 cảng lớn, 09 cảng container được phân bố từ trung tâm thành phố, đến khu vực biển Bà Rịa Vũng Tàu. Thông qua các cảng và hệ thống logistics, hàng hóa vận chuyển bằng đường biển không ngừng tăng lên, từ 38.263 nghìn tấn năm 2017, lên 84.694 nghìn tấn vào năm 2024, đóng góp đáng kể vào tổng GRDP của thành phố với 35.909,7 tỷ đồng, tổng kim ngạch

Bảng 1: Một số chỉ tiêu ngành thủy sản TP HCM giai đoạn 2017 - 2024

	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Diện tích	Ha	14.449	14.249	13.798	13.906	13.665	13.877	13.531	13.434
Sản lượng	Tấn	395.022	406.746	420.565	429.527	424.372	433.319	446.137	460.051
SL tàu, thuyền	Chiếc	5.642	5.710	5.679	5.481	5.380	5.438	5.439	5.581
Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	21660	26089	28881	29607	29341	32332	34405	35083

Nguồn: Niên giám thống kê TP HCM, Bà Rịa Vũng Tàu năm 2020, 2024.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu của ngành vận tải biển TP HCM giai đoạn 2017 – 2024

	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu vận tải đường thủy	Tỷ đồng	18619,3	21009	23301,6	22368	21516,9	24868,3	32548,8	35909.7
SL hàng hóa vận chuyển đường thủy	Nghìn-Tấn	38263,6	40930,8	48465,2	42228	74505,5	62619	76246	84694
Kim ngạch XNK qua cảng	Tỷ USD	109,825	118,622	133,093	131,365	139,411	149,668	134,817	151,225

Nguồn: Niên giám thống kê TP HCM & Bà Rịa Vũng Tàu năm 2020, 2024.

xuất nhập khẩu qua đường biển đạt 151,225 tỷ USD (bảng 2).

Ngành du lịch và dịch vụ biển:

Trong chiến lược phát triển ngành du lịch của Thành phố Hồ Chí Minh, du lịch biển đóng vai trò rất quan trọng. Với nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng từ vùng biển Bà Rịa Vũng Tàu, Cần Giờ, du lịch biển thành phố Hồ Chí Minh đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ, đóng góp không nhỏ vào tổng GRDP của nền kinh tế. Năm 2024, ngành du lịch của thành phố Hồ Chí Minh đón 49,34 triệu lượt khách (khách quốc tế 6,3 triệu lượt), doanh thu đạt 205.345 tỷ đồng³³. Trong đó, du lịch biển thành phố Hồ Chí Minh đón 11,945 triệu lượt, đạt doanh thu 18.844,7 tỷ đồng, chiếm 35,9% tổng doanh thu ngành du lịch của thành phố. Tính chung cả giai đoạn 2017 – 2024, du lịch biển thành phố Hồ Chí Minh đã đón 64 triệu lượt khách, đóng góp gần 104.961 tỷ đồng, chiếm 4,78% tổng GRDP của thành phố, trung bình mỗi năm đón 8,0 triệu lượt và đóng góp 13.120 tỷ đồng (hình 1).

Ngành công nghiệp khai khoáng và các khu công nghiệp ven biển

Với lợi thế về trữ lượng dầu khí và hệ thống cảng biển nước sâu, là cửa ngõ kết nối với các vùng và thế giới, thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành trung tâm phát triển công nghiệp ven biển hàng đầu cả nước, điển hình là ngành công nghiệp khai thác dầu khí. Hiện nay, thành phố Hồ Chí Minh có 17 khu công nghiệp ven biển với tổng diện tích gần 9.000 ha, với 2.936 cơ

sở sản xuất. Giai đoạn từ 2017 – 2024, ngành công nghiệp ven biển thành phố Hồ Chí Minh đóng góp 4,85 triệu tỷ đồng, trung bình mỗi năm ngành công nghiệp ven biển thành phố Hồ Chí Minh đóng góp 603,3 nghìn tỷ đồng, đặc biệt năm 2024, ngành công nghiệp ven biển thành phố đóng góp 733,2 nghìn tỷ, chiếm 33,39% GRDP của thành phố (hình 2).

Ngành diêm nghiệp

Vùng biển Cần Giờ thành phố Hồ Chí Minh còn được biết đến với nghề làm muối truyền thống. Năm 2024, thành phố Hồ Chí Minh có 1.551 ha sản xuất muối, đạt sản lượng 90.527 tấn, đóng góp vào nền kinh tế 159 tỷ đồng. Sự phát triển ngành diêm nghiệp truyền thống còn tạo cơ sở để kết hợp phát triển mô hình du lịch trải nghiệm, mang lại giá trị kinh tế cao, đồng thời góp phần phát triển bền vững kinh tế biển. Thứ hai, kinh tế biển TP HCM đã định hướng phát triển theo hướng bền vững Cùng với khai thác các nguồn lợi thủy sản, thành phố Hồ Chí Minh đã đẩy mạnh công tác quy hoạch và phát triển ngành nuôi trồng thủy sản ven bờ bằng các hình thức thâm canh, vừa mang lại giá trị kinh tế cao, vừa hạn chế tình trạng cạn kiệt tài nguyên. Sản lượng nuôi thủy sản đạt sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng từ 41.246 tấn năm 2017, lên 61.625 tấn năm 2024. Thực hiện các chính sách hỗ trợ cho ngư dân vay vốn đầu tư các tàu thuyền có công suất lớn phục vụ đánh bắt xa bờ nhằm góp phần bảo vệ sự đa dạng nguồn lợi thủy sản ven bờ. Ngành du lịch chuyển đổi các mô hình theo hướng bền vững như kết hợp tham quan

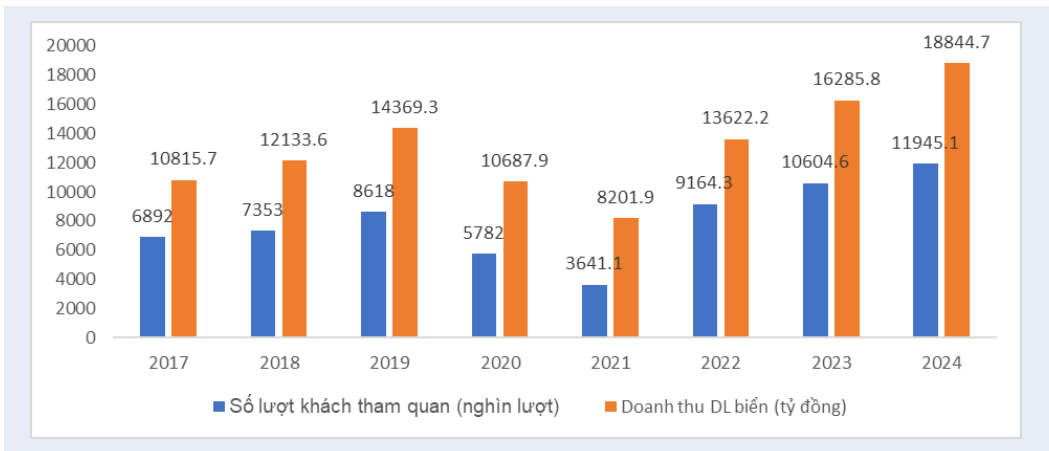


Chart 1: Một số chỉ tiêu của ngành du lịch biển TP HCM giai đoạn 2017 - 2024 Nguồn: Niên giám thống kê TP HCM & Bà Rịa Vũng Tàu năm 2020, 2024.

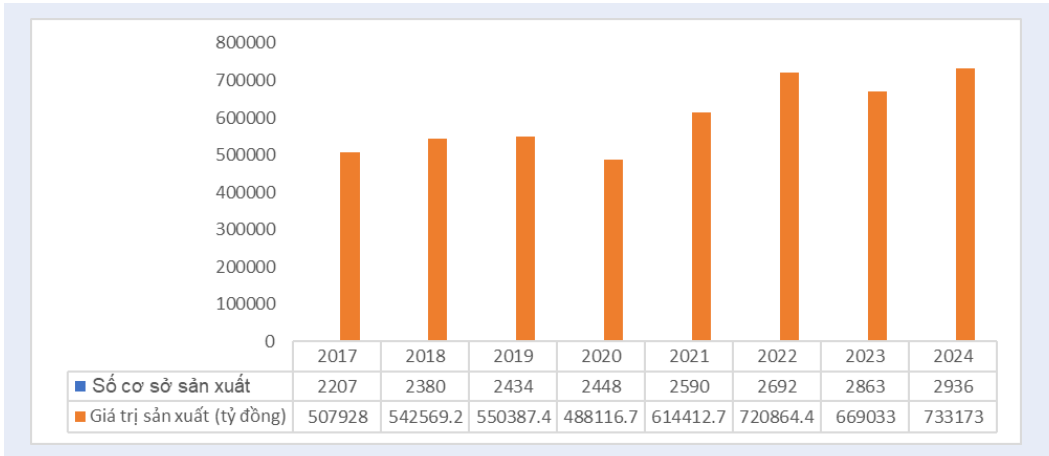


Chart 2: Một số chỉ tiêu của ngành CN, tiểu thủ CN TP HCM giai đoạn 2017 - 2024 Nguồn: Niên giám thống kê TP HCM & Bà Rịa Vũng Tàu năm 2020, 2024.

cảnh quan thiên nhiên rừng, biển với các mô hình trải nghiệm sản xuất muối, phát triển mô hình du lịch cộng đồng, phát triển các tour du lịch và nhân hiệu các sản phẩm đặc trưng (xoài cát, khô cá dứa, yến sào). Thành phố đặc biệt quan tâm bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn Cần Giờ, trong 10 năm từ 2015 – 2024, thành phố Hồ Chí Minh đã trồng mới 350,82 ha rừng, quản lý nghiêm ngặt Khu dự trữ sinh quyển thế giới Rừng ngập mặn Cần Giờ, phát triển du lịch sinh thái. Mục tiêu phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh theo hướng bền vững được thể hiện rõ nhất trong Quy hoạch thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua ngày 31/12/2024 là hình thành đô thị nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái chất lượng cao trên nguyên tắc bảo vệ môi trường và hệ sinh thái

tự nhiên của các khu vực lân cận, phát triển cảng biển và logistics theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường và xã hội. Thứ ba, kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào quá trình phát triển Hoạt động của hệ thống cảng trên địa bàn thành phố đã thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, thực hiện hệ thống hóa bằng các phần mềm như: tài chính Kế toán (PL-FS), quản trị nhân sự (HR), văn phòng điện tử, quản trị mối quan hệ khách hàng (CRM), E-port...cho phép khai báo hàng hóa, chứng từ trên hệ thống, kiểm tra bằng công nghệ thông minh, giảm bớt thủ tục hành chính, tăng hiệu quả kinh tế và minh bạch trong quản lý. Ứng dụng công nghệ số trong việc kết nối với các tuyến đường vận tải quốc tế, bản đồ

số logistic, sản giao dịch logistics ...tạo những cơ chế thông thoáng cho các tàu thuyền nước ngoài cập bến, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của cảng và mở cửa cho thị trường nước ngoài. Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nhằm giám sát quá trình xử lý các sự cố môi trường, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ môi trường. Trong lĩnh vực du lịch biển, thành phố Hồ Chí Minh là địa phương đi đầu trong việc ứng dụng thuyết minh tự động (Audio Guide) tại các điểm du lịch cho phép du khách quốc tế quét mã để nghe thuyết minh về các di tích, bản đồ 3D 360 du lịch Côn Đảo đã cho phép du khách tập hợp các điểm du lịch nổi tiếng để tham quan.

Những tồn tại trong quá trình phát triển kinh tế biển thành phố HCM

Bên cạnh những kết quả đã được, quá trình phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh còn một số hạn chế cả về quy mô phát triển, tính hệ thống và sự liên kết chặt chẽ giữa các ngành của kinh tế biển.

Thứ nhất, quy hoạch phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045 đang giới hạn không gian phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh trong giới hạn địa giới hành chính cũ, các quy hoạch hạ tầng để kết nối các trung tâm du lịch giữa Bà Rịa Vũng Tàu với Cần Giờ chưa được chú trọng.

Thứ hai, thủy sản là ngành chủ lực của kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh thời gian qua nhưng sự phát triển chưa vững chắc do việc khai thác gần bờ còn chiếm tỷ trọng khá cao với gần 40,7%. Các phương thức đánh bắt còn mang tính thủ công và có tính tận diệt cao như lưới cào, dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển tuy đã được quan tâm nhưng mới chỉ đáp ứng được gần 60% nhu cầu của ngư dân, các mô hình nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao của thành phố chưa trở thành ngành chủ lực của kinh tế biển với chỉ 57,28% diện tích³³.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng giao thông kết nối vùng trung tâm với khu vực ven biển, cảng biển còn hạn chế, tình trạng ùn tắc dẫn đến chi phí vận chuyển khá cao, tạo ra những rào cản trong việc thu các dự án kết nối quan trọng để phát triển kinh tế biển. Tình trạng thiếu hụt các cơ sở lưu trú chất lượng cao và các dịch vụ thiết yếu khác ở khu vực biển Cần Giờ đã hạn chế du khách lưu trú dài ngày, hạn chế khả năng chi tiêu của du khách, ảnh hưởng đến sự phát triển của du lịch biển. Số liệu thống kê cho thấy, khu vực Cần Giờ chỉ có 37 cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn. Việc phân bố các cảng trên địa bàn thành phố nằm quá gần nhau, việc quản lý còn mang nặng tính cục bộ, dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt chính trong nội bộ.

Thứ tư, sự phát triển của du lịch biển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Ngoài trừ khu vực trung tâm Bà Rịa Vũng Tàu, các điểm du lịch biển của thành phố đang dừng lại ở việc khai thác những điều kiện tự nhiên sẵn có như tham quan rừng Sác, tham quan chợ thủy sản, tham quan ruộng muối. Các sản phẩm du lịch còn khá đơn điệu, thiếu các sản phẩm du lịch biển mang tính đặc thù có khả năng thu hút du khách thập phương, sự liên kết giữa các ngành, lĩnh vực để hình thành chuỗi giá trị du lịch biển chưa được chú trọng do cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng.

Thứ năm, ngành công nghiệp ven biển khu vực trung tâm thành phố chưa được đầu tư phát triển đúng mức, ngoài khu vực Trung tâm Bà Rịa Vũng Tàu, khu công nghiệp ven biển Cần Giờ còn hạn chế, hoạt động cá thể chiếm trên 97%, tập trung các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp. Các ngành công nghiệp chế biến chưa phát triển để khai thác hiệu quả vùng nguyên liệu, dẫn đến các sản phẩm chế biến thủy sản chỉ dừng lại ở khâu sơ chế, giá trị kinh tế không cao, gây lãng phí nguồn lực và nguy cơ ô nhiễm môi trường. Các ngành kinh tế biển chưa thiết lập các liên kết theo chuỗi giá trị liên ngành như diêm nghiệp – thủy sản – du lịch sinh thái.

Thứ sáu, còn thiếu bộ dữ liệu thống kê để đo lường đánh giá một cách chi tiết những đóng góp của các ngành kinh tế biển đối với nền kinh tế. Tính đến ngày 02/01/2025 Việt Nam mới chính thức có Thông tư số 01/2025/TT-BKHĐT quy định bộ chỉ tiêu thống kê quốc gia về biển – đảo, nên việc tìm kiếm dữ liệu để đánh giá kinh tế biển của các địa phương gặp rất nhiều khó khăn. Thực tế này sẽ dẫn đến một số hệ lụy như công tác tuyên truyền về vai trò, vị trí của kinh tế biển gặp không ít khó khăn; việc đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế biển thiếu hệ thống.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Phát huy những tiềm năng, thế mạnh vốn có, kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017 – 2024 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Số liệu thống kê cho thấy, năm 2024, ngành vận tải biển đóng góp 35.909,7 tỷ đồng vào tổng GRDP, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua cảng đạt 151,2 tỷ USD, ngành du lịch biển đóng góp 18.844,7 tỷ đồng, ngành công nghiệp ven biển đóng góp 733.173 tỷ đồng [33]. Sự phát triển đa dạng các ngành nghề, phát triển bền vững kinh tế và khả năng ứng dụng không học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào quá trình phát triển, trở thành một cực của tăng trưởng kinh tế địa phương, khu vực và cả nước. Tuy nhiên, những dư địa cho sự phát triển đang thu hẹp dần do việc quy hoạch không gian biển chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế biển thành

phố Hồ Chí Minh mới. Vì vậy, để phát triển thành phố Hồ Chí Minh trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển hàng đầu của Đông Nam Á như Quy hoạch phát triển kinh tế thành phố HCM giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045 đã xác định³⁴, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp.

Thứ nhất, thực hiện xây dựng quy hoạch không gian phát triển kinh tế biển thành phố Hồ Chí Minh mới thay thế cho nội dung quy hoạch phát triển kinh tế biển thành phố HCM giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2045 đã được Chính phủ phê duyệt năm 2024. Thực hiện rà soát, đánh giá đúng tiềm năng, thế mạnh của kinh tế biển, ven biển, hải đảo của địa phương. Quy hoạch chi tiết và xây dựng các chính sách thu hút đầu tư phát triển khu công nghiệp ven biển phát triển trên nền tảng xanh. Phát triển ngành thủy sản gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển; bảo đảm hài hòa giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển. Đây là giải pháp quan trọng để thống nhất trong nhận thức và hành động của các lực lượng trong xã hội khi triển khai các mô hình phát triển kinh tế biển tại thành phố.

Thứ hai, khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện chất lượng, hiệu quả các hoạt động kinh tế và không gian biển, nâng cao chất lượng vùng nuôi trồng thủy sản, hiện đại hóa đội tàu đánh bắt thủy sản xa bờ nhằm hạn chế tối đa các phương thức khai thác tận diệt. Có chính sách khuyến khích phát triển các ngành mới như công nghệ sinh học biển, năng lượng tái tạo ngoài khơi, phát triển công nghiệp sau hóa dầu đáp ứng nhu cầu phát triển mới. Thứ ba, xây dựng cơ chế điều phối và cơ chế phối hợp liên ngành, liên địa phương ven biển phù hợp với thành phố HCM và khu vực Đông Nam Bộ trên cơ sở hoàn thiện hệ thống hạ tầng kết nối giao thông giữa các địa phương, giữa các cảng với trung tâm kinh tế, góp phần phát triển chuỗi giá trị giữa các ngành kinh tế biển của thành phố HCM, vùng Đông Nam bộ và cả nước. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách đặc thù cho việc phát triển kinh tế biển thành phố HCM mới, đặc biệt là phát triển đặc khu Côn Đảo nhằm đẩy nhanh tiến trình thực hiện mục tiêu xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm kinh tế biển hàng đầu của khu vực.

Thứ tư, xây dựng cơ chế liên kết giữa các vùng du lịch nhằm phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, có tính đặc trưng vùng miền, tránh trùng lặp nhằm tạo dấu ấn cho du khách. Đưa vào chương trình hành động kế hoạch xây dựng cầu vượt biển nối Cần Giờ với khu vực Bà Rịa Vũng Tàu nhằm hình thành chuỗi giá trị kinh tế du lịch biển Cần Giờ - Bà Rịa Vũng Tàu.

Thứ năm, thu hút đầu tư phát triển khu công nghiệp chế biến Cần Giờ hiện đại, đảm bảo khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu. Xây dựng công nghiệp cảng biển hiện đại đáp ứng yêu cầu hội nhập và kinh tế số, đặc biệt đầu tư xây dựng cảng trung chuyển Cần Giờ thành một trung tâm kinh tế biển thịnh vượng, với cốt lõi là cảng trung chuyển quốc tế và khu thương mại tự do, để tiên phong tăng trưởng và đổi mới trên 4 ngành chính: dịch vụ cảng, hậu cần, công nghệ xanh và tài chính, góp phần giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thứ sáu, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế biển của Thành phố, bao gồm các chỉ số về tăng trưởng kinh tế biển, những đóng góp của kinh tế biển; vốn đầu tư, lao động của khu vực biển làm cơ sở đo lường, đánh giá đúng vị trí, vai trò của kinh tế biển và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế biển. Đây là cơ sở quan trọng hàng đầu để đề xuất các cơ chế đặc thù cho lĩnh vực, ngành nghề của kinh tế biển.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc thành phố Hồ Chí Minh, với mã số đề tài: C2024-34-04 theo Quyết định số 10/QĐ-ĐHQG ngày 06/01/2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa tiếng Anh	Nghĩa tiếng việt
HCM	Ho Chi Minh	Hồ Chí Minh
USD	United States dollar	Đô la Mỹ
GRDP	Gross Rigional Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội khu vực
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
OECD	Organization for Economic Cooperation and Development	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
TN&M		Tài nguyên và môi trường
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
EU	European Union	Liên minh châu Âu
CN		Công nghiệp

ĐÓNG GÓP CỦA NHÓM TÁC GIẢ

Nguyễn Đình Bình – chịu trách nhiệm nội dung tóm tắt, giới thiệu, kết quả nghiên cứu, kết luận, hàm ý chính sách và hiệu chỉnh các nội dung theo góp ý.

Nguyễn Thị Đông – chịu trách nhiệm nội dung cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu và hiệu chỉnh các nội dung theo góp ý.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Jiang XZ, Liu TY, Su CW. China's marine economy and regional development. Science Direct Journal. 2014;.
- Wang S, Li W, Xing L. A Review on Marine Economics and Management: How to Exploit the Ocean Well. 2022;Available from: <https://doi.org/10.3390/w14172626>.
- Lan NTP. Sinh kế của cư dân huyện Cần Giờ TP Hồ Chí Minh - Sự tương tác giữa yếu tố chính sách, môi trường và thị trường. 2017;.
- Ren W, Ji J, Chen L, Zhang Y. Evaluation of China's marine economic efficiency under environmental constraints an empirical analysis of China's eleven coastal regions. Journal of Cleaner Production. 2018;184:806–14. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2018.02.300>.
- Chen J, Wang Y, Song M, Zhao R. Analyzing the decoupling relationship between marine economic growth and marine pollution in China. 2017;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.oceaneng.2017.03.038>.
- Ren W, Wang Q, Ji J. Research on China's marine economic growth pattern: An empirical analysis of China's eleven coastal regions. . 2018;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.marpol.2017.10.021>.
- Liu C, Cai W, Zhai M, Zhu G, Zhang C, Jiang Z. Decoupling of wastewater eco-environmental damage and China's economic development. The Science of the Total Environment. 2021;789. PMID: 34082216. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2021.147980>.
- Xu W. The Impact of Marine Environmental Awareness on Economic Development in Coastal Areas. . 2020;Available from: <https://doi.org/10.2112/SI106-101.1>.
- Ni R, Guan H, Wang Y, Liu Y. Spatial differences, distribution dynamics and driving factors of the synergy between marine ecological security and highquality development in three major marine economic circles of China. 2024;Available from: <https://doi.org/10.3389/fmars.2024.1338154>.
- Xie B, Zhang R, Sun S. Impacts of marine industrial structure changes on marine economic growth in China. 2019;Available from: <https://doi.org/10.2112/SI98-075.1>.
- Cao Q, Sun C, Zhao L, Cao W, Yan X. Marine resource congestion in China: Identifying, measuring, and assessing its impact on sustainable development of the marine economy. . 2020;Available from: <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0227211>.
- Wu F, Wang X, Liu T. An Empirical Analysis of High-Quality Marine Economic Development Driven by Marine Technological Innovation. . 2020;Available from: <https://doi.org/10.2112/JCR-SI115-129.1>.
- Masud MM, Othman A, Akhtar R, Md S. The underlying drivers of sustainable management of natural resources: the case of marine protected areas (MPAs). Ocean and Coastal Management. 2021;199. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2020.105405>.
- Shao Q, Chen L, Zhong R, Weng H. Marine economic growth, technological innovation, and industrial upgrading: A vector error correction model for China. 2021;p. 1–14. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2020.105481>.
- Liu B, Xu M, Wang J, Wang Z, Zhao L. Evaluation of China's marine economic growth quality based on set pair analysis. 2021;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.marpol.2021.104405>.
- Su CW, Song Y. Financial aspects of marine economic growth: From the perspective of coastal provinces and regions in China. 2021;Available from: <https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2021.105550>.
- Fedorenko R. Irina Yakhneeva, Nadezhda Zaychikova and Dmitry Lipinsky. Evaluating the Socio-Economic Factors Impacting Foreign Trade Development in Port Areas; 2021. Available from: <https://doi.org/10.3390/su13158447>.
- Li C, Jia H, Wan Y, Hu Y, Zeng B, Zhang W, et al. The impacts of extreme marine weather and marine scientific and technological innovation on marine economic development: Evidence from China's coastal regions. . Frontiers in Marine Science. 2023;Available from: <https://doi.org/10.3389/fmars.2023.1104045>.
- Associates N. Gross product originating from ocean-related activities. Washington (DC): Bureau of Economic Analysis; 1974.
- ECORYS. Blue growth scenarios and drivers for sustainable growth from the oceans, seas and coasts. In: and others, editor. Final report for the European Commission, DG MAREa. Rotterdam, The Netherlands: ECORYS; 2012. p. p115.
- Zhai RX, Wei L. Econometrics Forecasting the Marine Economic Development in Jiangsu Province. Published by Institute of Electrical and Electronics Engineers; 2013.
- OECD. The Ocean Economy in 2030. Paris: OECD Publishing; 2016.
- Đình BN. Phát triển kinh tế biển Kiên Giang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Luận án Tiến sĩ trường Đại học Kinh tế - Luật; 2018.
- Anh LL. Phát triển kinh tế biển của Trung Quốc, Malaysia, Singapore và gợi ý chính sách cho Việt Nam. 2014;p. 29.
- Song S, Du Y. The Environmental Carrying Capacity of Marine Resources in the Offshore Areas of the Yangtze River Economic Belt in China. J Coast Res. 2019;98(SI):14–17. Available from: <https://doi.org/10.2112/SI98-004.1>.
- Ni X, Quan Y. Measuring the Sustainable Development of Marine Economy Based on the Entropy Value Method: A Case Study in the Yangtze River Delta, China. Sustainability (Basel). 2023;15(8):6719. Available from: <https://doi.org/10.3390/su15086719>.
- Nash KL, Blythe JL, Cvitanovic C, Fulton EA, Blanchard JL. To Achieve a Sustainable Blue Future, Progress Assessments Must Include Interdependencies between the Sustainable Development Goals. One Earth. 2020;2(2):161–73. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.oneear.2020.01.008>.
- Nabeeh NA, Abdel-Basset M, Soliman G. A model for evaluating green credit rating and its impact on sustainability performance. Journal of Cleaner Production. 2021;280. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2020.124299>.
- Wang Z, Yuan F, Han Z. Convergence and management policy of marine resource utilization efficiency in coastal regions of China. Ocean and Coastal Management. 2019;104854:178. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2019.104854>.
- Makkonen T, Inkinen T. Sectoral and technological systems of environmental innovation: the case of marine scrubber systems. Journal of Cleaner Production. 2018;200:110–21. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2018.07.163>.
- Unesco M. Information document for the MAB International Coordinating Council. ProgrammeSC.00/CONF.208/INF.9.SC.2000/CONF.208/CLD.13. 2000;.
- Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2020 – 2025. In: Đảng bộ TP HCM ; 2020. p. 173.
- HCMC Statistical Office. Số liệu thống kê. HCM: NXB Thống kê; 2024.
- Thủ tướng Chính Phủ, Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31/12/2024. "Phê duyệt Quy hoạch thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050"; 2024.

Developing Ho Chi Minh City's marine economy in a sustainable direction

Nguyen Dinh Binh*, Nguyen Thi Dong



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The article analyzes the development of Ho Chi Minh City's marine economy in the period of 2017 - 2024. The results indicate significant progress in diverse development of industries, sustainability, ability to apply science and technology and innovation. During this period, import and export through Ho Chi Minh City ports contributed 1,068.1 billion USD, an average of 133.5 billion USD per year; the marine tourism industry contributed 104,961 billion VND, an average of 13,120.1 billion VND per year; the production value of coastal industries in the area contributed 4.85 million billion VND, an average of 603,310.6 billion VND per year. In 2024, the maritime transport industry contributed 35,909.7 billion VND, accounting for 1.32% of total GRDP; total import-export turnover through ports will reach 151.2 billion USD, equal to 1.39 times that of GRDP; the production value of coastal industries will contribute VND 733,173 billion, accounting for 26.99% of GRDP. Nevertheless, challenges remain, including limited planning for new marine economic development space; unstable development between industries; limited transport infrastructure connecting the central region with coastal areas and seaports; the marine tourism industry lacks specific products; the coastal industry has not been properly invested in and developed. Based on these findings, six strategic solutions are recommended to realize the goal of developing Ho Chi Minh City into a dynamic and leading effective marine economic center in the region.

Key words: Marine economy, sustainable development of the marine economy, marine economic development in Ho Chi Minh City, Ho Chi Minh City

University of Economics and Law,
National University of Ho Chi Minh
City, Vietnam

Correspondence

Nguyen Dinh Binh, University of
Economics and Law, National University
of Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: ndbinh@uel.edu.vn

History

- Received: 13-06-2025
- Revised: 27-09-2025
- Accepted: 31-07-2026
- Published Online: 08-09-2026

DOI : <https://doi.org/10.32508/vnuhcmj-ebl.v10i3.1661>



Copyright

© VNUHCM Journal. This is an
open-access article distributed
under the terms of the Creative
Commons Attribution 4.0
International license.

Cite this article : Binh N D, Dong N T. **Developing Ho Chi Minh City's marine economy in a sustainable direction.** VNUHCM J. Econ. Bus. Law. 2026; 10(3): 7024-7034.